

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Ánh N, sinh năm 1979; địa chỉ: Số H đường L, Tổ B, Khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1978; địa chỉ: Số H đường L, Tổ B, Khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Hà Thị Ánh N trình bày:* Bà Hà Thị Ánh N và ông Nguyễn Thành L kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55, quyển số 01/1999 ngày 06/10/1999. Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông L thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà N, không phụ giúp gia đình, chăm lo cho con cái, bỏ mặc không quan tâm vợ con, hiện vợ chồng đã ly thân, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hà D, sinh ngày 09/01/2000 và Nguyễn Mai N1, sinh ngày 11/11/2008. Nay, bà Hà Thị Ánh N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Ánh N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hà D, sinh ngày 09/01/2000 và Nguyễn Mai N1, sinh ngày 11/11/2008. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi cháu N1, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu D đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:* Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Thành L không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. *Về quan hệ pháp luật:* Bà Hà Thị Ánh N có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Thành L và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. *Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự:* Bị đơn ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Thành L không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà Hà Thị Ánh N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Hà Thị Ánh N và ông Nguyễn Thành L tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn năm 1999 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Hà Thị Ánh N cho rằng vợ chồng sống chung nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông L thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà N, không phụ giúp gia đình, chăm lo cho con cái, bỏ mặc không quan tâm vợ con, hiện vợ chồng đã ly thân, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết

quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Thành L không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, thể hiện bị đơn ông Nguyễn Thành L vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó, hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập. Căn cứ biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường H ngày 11/5/2023 xác định khi chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã ly thân với nhau. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Nguyễn Thành L là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Hà Thị Ánh N và ông Nguyễn Thành L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hà D, sinh ngày 09/01/2000 và Nguyễn Mai N1, sinh ngày 11/11/2008. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi cháu N1, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu N1 đang sinh sống cùng với bà N và tại biên bản làm việc ngày 12/4/2023 cháu N1 có nguyện vọng được sống cùng với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N1 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự phát triển cho cháu. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Hà D, sinh ngày 09/01/2000 đã trưởng thành đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Ánh N được ly hôn với ông Nguyễn Thành L là có căn cứ.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hà Thị Ánh N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Ánh N về việc “Ly

hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn và ông Nguyễn Thành L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Ánh N được ly hôn với ông Nguyễn Thành L (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55, quyển số 01/1999 ngày 06/10/1999 của UBND xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Hà Thị Ánh N là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung tên Nguyễn Mai N1 sinh ngày 11/11/2008.

1.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình: Bà Hà Thị Ánh N nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002484 ngày 01/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú An, TX Bến Cát;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong